**ÔN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. Khái niệm**

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

Ví dụ: huyền, mun, đen, mực,….

**II. Phân loại:** 2 loại

***1. Từ đồng nghĩa hoàn toàn:***

Là những từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau, có thể thay thế cho nhau trong lời nói.

Ví dụ: xe lửa với tàu hỏa, con lợn với con heo,…

***2. Từ đồng nghĩa không hoàn toàn***

Là những từ tuy cùng nghĩa với nhau nhưng vẫn khác nhau phần nào đó về thái độ, tình cảm hoặc cách thức hành động

Ví dụ: chết, hi sinh, toi mạng, ra đi,…

**BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Bài 1**. Khoanh vào chữ các đặt trước câu trả lời đúng:

***Câu 1***. Đồng nghĩa với từ hạnh phúc là từ:

A. Sung sướng

B. Hiền lành

C. Phúc hậu

D. Giàu có

***Câu 2***. Từ nào dưới đây không đồng nghĩa với các từ còn lại?

A. Cầm.

B. Nắm

C. Cõng.

D. Xách.

***Câu 3***. Dòng nào có từ mà tiếng nhân không cùng nghĩa với tiếng nhân trong các từ còn lại?

a. Nhân loại, nhân tài, nhân lực.

b. Nhân hậu, nhân nghĩa, nhân ái.

c. Nhân công, nhân chứng, chủ nhân.

d. Nhân dân, quân nhân, nhân vật.

***Câu 4.*** Từ nào dưới đây không đồng nghĩa với những từ còn lại?

A. phang

B. đấm

C. đá

D. vỗ

***Câu 5:*** Dòng nào chỉ các từ đồng nghĩa:

A. Biểu đạt, diễn tả, lựa chọn, đông đúc

B. Diễn tả, tấp nập, nhộn nhịp, biểu thị.

C. Biểu đạt, bày tỏ, trình bày, giãi bày.

D. Chọn lọc, trình bày, sàng lọc, kén chọn.

***Câu 6***: Từ nào không đồng nghĩa với từ “quyền lực”?

A. quyền công dân

B. quyền hạn

C. quyền thế

D. quyền hành

***Câu 7:*** Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ gọn gàng?

A. ngăn nắp

B. lộn xộn

C. bừa bãi

D. cẩu thả

***Câu 8:*** Từ ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với từ trẻ em?

A. Cây bút trẻ

B. Trẻ con

C. Trẻ măng

D. trẻ trung

***Câu 9***: Nhóm từ nào đồng nghĩa với từ “hoà bình” ?

A. Thái bình, thanh thản, lặng yên.

B. Bình yên, thái bình, hiền hoà.

C. Thái bình, bình thản, yên tĩnh.

D. Bình yên, thái bình, thanh bình.

***Câu 10:*** Những cặp từ nào dưới đây cùng nghĩa với nhau?

A. Leo - chạy

B. Chịu đựng - rèn luyện

C. Luyện tập - rèn luyện

D. Đứng - ngồi

**Bài 2:** Trong mỗi nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại: (khoanh tròn)

a) Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.

b) Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở, nơi chôn rau cắt rốn.

**Bài 3**:Tìm từ khác nghĩa trong dãy từ sau và đặt tên cho nhóm từ còn lại:

a) Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.

b) Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp, thợ hàn, thợ mộc, thợ nề, thợ nguội.

c) Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo.

**Bài 4:** Chọn từ ngữ thích hợp nhất trong các từ sau để điền vào chỗ trống: im lìm, vắng lặng, yên tĩnh.

Cảnh vật trưa hè ở đây .............., cây cối đứng.............., không gian.........., không một tiếng động nhỏ.

**Bài 5**: Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh từng câu dưới đây: (gạch chân câu đúng)

a) Câu văn cần được (đẽo, gọt, gọt giũa, vót, bào) cho trong sáng và súc tích

b) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (đỏ au, đỏ bừng, đỏ đắn, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ chói, đỏ quạch, đỏ tía, đỏ ửng).

c) Dòng sông chảy rất (hiền hoà, hiền lành, hiền từ, hiền hậu) giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.

**Bài 6:**Tìm và điền tiếp các từ đồng nghĩa vào mỗi nhóm từ dưới đây và chỉ ra nghĩa chung của từng nhóm:

a) Cắt, thái, …

b) To, lớn,.....

c) Chăm, chăm chỉ,.....

**Bài 7**: Dựa vào nghĩa của tiếng "hoà", chia các từ sau thành 2 nhóm, nêu nghĩa của tiếng "hoà" có trong mỗi nhóm: Hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà mình, hoà tan, hoà tấu, hoà thuận, hoà vốn.

**Bài 8:** Chọn từ ngữ thích hợp nhất (trong các từ ngữ cho sẵn ở dưới) để điền vào từng vị trí trong đoạn văn miêu tả sau:

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa ..., tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà...., nảy nở với một sức mạnh khôn cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng ... vì một lá cỏ non vừa ..., hình như mỗi giọt khí trời cũng...., không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay.

(theo Nguyễn Đình Thi)

(1): tái sinh, thay da đổi thịt, đổi mới, đổi thay, thay đổi, khởi sắc, hồi sinh.

(2): sinh sôi, sinh thành, phát triển, sinh năm đẻ bảy.

(3): xốn xang, xao động, xao xuyến, bồi hồi, bâng khâng, chuyển mình, cựa mình, chuyển động.

(4): bật dậy, vươn cao, xoè nở, nảy nở, xuất hiện, hiển hiện.

(5): lay động, rung động, rung lên, lung lay.

**Bài 9**: Tìm những từ cùng nghĩa chỉ màu đen để điền vào chỗ trống trong các từ dưới đây:

Bảng............... ; vải.................... ; gạo.... ……….; đũa................ ; mắt................ ; ngựa................ ; chó........

**Bài 10:** Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ sau: cho, chết, bố

**Bài 11:** Thay thế từ ngữ in đậm trong các câu sau bằng từ đồng nghĩa.

Nơi chúng tôi ở còn**chật hẹp**.

Con vật **bỗng** xuất hiện.

Nó **không** ăn uống gì cả.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 1:**

Câu 1: A Câu 2: C Câu 3: C Câu 4: D Câu 5:C

Câu 6: B Câu 7: A Câu 8: B Câu 9: D Câu 10:C

**Bài 2:** a, tổ tiên b, quê mùa

**Bài 3:** a,Từ chỉ nông dân ( từ lạc : thợ rèn)

b,Từ chỉ công nhân (từ lạc : thủ công nghiệp)

c, Từ chỉ người lao động trí óc ( từ lạc: nghiên cứu)

**Bài 4:**Cảnh vật trưa hè ở đây ***yên tĩnh***, cây cối đứng ***im lìm***, không gian ***vắng lặng***, không một tiếng động nhỏ.

**Bài 5**: a) Câu văn cần được (đẽo, gọt, ***gọt giũa***, vót, bào) cho trong sáng và súc tích

b) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (đỏ au, đỏ bừng, đỏ đắn, đỏ hoe, đỏ gay, ***đỏ chói***, đỏ quạch, đỏ tía, đỏ ửng).

c) Dòng sông chảy rất (***hiền hoà,*** hiền lành, hiền từ, hiền hậu) giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.

**Bài 6:**

a) …***xắt, xắn, xẻo, pha, chặt, băm, chém, phát, xén, cưa, xẻ, bổ,…***

(*Nghĩa chung* : chia cắt đối tượng thành những phần nhỏ (bằng dụng cụ) )

      b) ***…to lớn, to tướng, to tát , vĩ đại,…***

( *Nghĩa chung* : Có kích thước , cường độ quá mức bình thường )

      c) …***siêng năng, chịu khó, cần cù, chuyên cần,…***

( *Nghĩa chung* : Làm nhiều và làm đều đặn một việc gì đó)

**Bài 7**

 Nhóm 1 : ***hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà thuận***, (tiếng hoà mang nghĩa : *trạng  
thái không có chiến tranh, yên ổn* )

 Nhóm 2 : ***hoà mình, hoà tan, hoà tấu***(tiếng hoà mang nghĩa : *trộn lẫn vào nhau )*

**Bài 8:**

(1)*đổi mới*

(2)*sinh sôi,*

(3) *cựa mình,*

(4) *xoè nở. .*

(5)*rung động,*

**Bài 9**: Tìm những từ cùng nghĩa chỉ màu đen để điền vào chỗ trống trong các từ dưới đây:

Bảng đen, vải thâm, gạo hẩm, đũa mun, mắt huyền, ngựa ô, chó mực.

**Bài 10:**

Cho: tặng, biếu,..

chết: mất, hi sinh,…

bố: ba..

**Bài 11:** Thay thế từ ngữ in đậm trong các câu sau bằng từ đồng nghĩa.

Nơi chúng tôi ở còn**chật hẹp** (chật chội)

Con vật **bỗng** xuất hiện ( chợt)

Nó **không** ăn uống gì cả (chẳng)